

SỬ DỤNG CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG ĐIỀU KIỆN SUY GIẢM KINH TẾ TOÀN CẦU DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19

● **NGUYỄN XUÂN VIỄN**

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu khái quát chính sách thương mại quốc tế (TMQT) hiện nay, tổng quan các công cụ thực hiện chính sách TMQT, khảo sát ý kiến doanh nghiệp về các công cụ Việt Nam nên sử dụng để thực hiện chính sách TMQT trong điều kiện hiện nay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp quản lý hoạt động nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu trong điều kiện suy giảm kinh tế.

Từ khóa: công cụ chính sách, thương mại quốc tế, suy giảm kinh tế toàn cầu, đại dịch Covid-19.

1. Đặt vấn đề

Đại dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4 đã tác động và ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội toàn cầu. Việc các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, sản xuất bị đình trệ, lạm phát tăng cao cũng như nhiều doanh nghiệp phải dừng kinh doanh, thu hẹp sản xuất, thậm chí là phá sản, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng đã khiến nền kinh tế toàn cầu đang ở mức đáng báo động và vượt xa đợt khủng hoảng tài chính năm 2008. Trước tình trạng suy thoái của nền kinh tế, nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng giảm sút và thận trọng hơn trong mọi chi tiêu. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 cũng phần nào thúc đẩy nhận thức về TMQT có thể sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt cuộc sống. Để góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu (XNK), đảm bảo cán cân thanh toán quốc tế có ý nghĩa rất quan trọng dù nhiều quốc gia phải đối mặt với các rào cản kinh tế. Muốn thực hiện được điều này, các quốc gia sẽ phải áp dụng các công

cụ chính sách TMQT nếu muốn phục hồi và trở lại nền kinh tế, đồng thời TMQT phải trở thành một phần trong các kế hoạch nỗ lực xây dựng một nền kinh tế toàn cầu công bằng và bền vững hơn trong thời gian tới.

Tại Việt Nam, nền kinh tế toàn cầu suy thoái cũng tác động ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, khi hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế khác trên thế giới. Do đó, Việt Nam cần cân nhắc và sử dụng một cách linh hoạt, phù hợp và hiệu quả các công cụ của chính sách TMQT để hoạt động XNK phát huy tốt hơn nữa vai trò của nó trong hoạt động kinh tế đối ngoại nói riêng và trong nền kinh tế quốc dân nói chung.

Chính vì vậy, bài viết nghiên cứu “Sử dụng công cụ chính sách thương mại quốc tế trong điều kiện suy giảm kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng của dịch Covid-19” nhằm có cái nhìn khái quát về chính sách TMQT hiện nay, tìm hiểu ý kiến của các doanh nghiệp về việc nên sử dụng công cụ chính

sách TMQT nào thì phù hợp, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu trong điều kiện suy giảm kinh tế toàn cầu hiện nay.

2. Khái quát về chính sách thương mại quốc tế hiện nay

Chính sách TMQT là một hệ thống các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ, biện pháp thích hợp Nhà nước sử dụng để điều chỉnh các hoạt động TMQT của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định, nhằm đạt được mục tiêu đã định trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và thích ứng với thông lệ, luật pháp và cam kết quốc tế.

Các quốc gia có thể thực hiện các chính sách TMQT khác nhau như:

- Chính sách bảo hộ mậu dịch: các quốc gia đặt ra nhiều rào cản, sử dụng nhiều công cụ để bảo hộ nền thương mại, hoạt động sản xuất và các ngành công nghiệp trong nước, hạn chế hàng hóa nước ngoài thâm nhập vào thị trường của họ.

- Chính sách tự do mậu dịch: các quốc gia giảm thiểu các can thiệp của Chính phủ, hạn chế sử dụng các công cụ hạn chế hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thâm nhập vào thị trường trong nước nhằm tạo ra sự lưu thông hàng hóa thuận tiện giữa trong và ngoài nước.

- Chính sách hỗn hợp: khuynh hướng toàn cầu hóa hoạt động sản xuất, thương mại đã khiến cho quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa trên phạm vi thế giới ngày càng làm cho các quốc gia, doanh nghiệp gắn kết trong các chuỗi sản xuất, cung ứng hàng hóa và dịch vụ. Xu thế thành lập các khu vực tự do mậu dịch hay các hiệp định thương mại song phương buộc các quốc gia phải hạn chế việc áp dụng các biện pháp, công cụ nhằm cản trở TMQT.

Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF): triển vọng kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều bất ổn và chủ yếu liên quan đến sự phát triển của đại dịch, WEO dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ ở mức 6% năm 2021 và 4,4% năm 2022. (Hoàng Công Tuấn - Nguyễn Đức Anh, 2021). Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay khi kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, các quốc gia có nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào du lịch và xuất khẩu hàng hóa, và các quốc gia có dự địa chính sách hạn chế nhằm ứng phó với các

ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 sẽ là các quốc gia chịu nhiều tổn thất nặng nề nhất. Nhiều nước trong số này đã rơi vào cuộc khủng hoảng trong tình trạng tài khóa bấp bênh và hạn chế năng lực để triển khai các chính sách y tế hoặc hỗ trợ sinh kế lớn. Khuynh hướng phổ biến hiện nay lại thiên về các chính sách nhằm kiểm soát hợp lý hoạt động nhập khẩu và tạo điều kiện tối đa cho việc khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Điều đó cũng có nghĩa các nước đang phát triển sẽ đối mặt với nhiều khó khăn để có thể thành công trong việc thực thi chính sách thương mại đó, xuất phát từ hai lý do:

Một là, các nước nhập khẩu sẽ đặt ra nhiều rào cản hơn và hàng hóa xuất khẩu của các quốc gia đang phát triển sẽ gặp khó khăn khi thâm nhập vào thị trường nước ngoài.

Hai là, do hạn chế về nguồn lực nên các chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước chưa phát huy mạnh mẽ tác dụng trong khi tiềm lực của doanh nghiệp còn thấp nên không thể đầu tư một cách đầy đủ để vượt qua các khó khăn trong giai đoạn suy giảm kinh tế.

3. Các công cụ thực hiện chính sách thương mại quốc tế

Các quốc gia có thể lựa chọn hoặc sử dụng kết hợp các công cụ thuế quan và phi thuế quan.

1) Thuế quan là một loại thuế gián thu đánh vào hàng mậu dịch, phi mậu dịch khi đi qua các khu vực hải quan khác nhau. Thuế quan làm tăng giá bán của sản phẩm nhập khẩu tại một thị trường nào đó, do vậy sẽ làm giảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm đó tại thị trường nước ngoài, qua đó gián tiếp làm tăng năng lực cạnh tranh tương đối của sản phẩm sản xuất trong nước. Công cụ này có ưu điểm là việc vận dụng mang tính công khai, minh bạch, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước. Nhược điểm khi sử dụng công cụ này là: các quốc gia phải cắt giảm thuế và áp dụng thuế suất thấp để thực hiện các cam kết quốc tế song phương hoặc đa phương.

2) Phi thuế quan là những biện pháp ngoài thuế quan, có liên quan hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến sự luân chuyển hàng hóa giữa các nước. Hàng rào phi thuế quan là những biện pháp phi thuế quan mang tính cản trở đối với thương mại mà không dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học hoặc bình đẳng.

- Biện pháp hạn chế số lượng: là những hạn chế về số lượng hoặc giá trị của hàng hóa được XNK trong một khoảng thời gian nhất định, bao gồm: cấm XNK, hạn ngạch, giấy phép XNK, hạn chế xuất khẩu tự nguyện.

- Các biện pháp tương đương thuế quan: là các biện pháp làm tăng giá hàng XNK theo cách tương tự như thuế quan, gồm: xác định trị giá hải quan, phụ thu, ấn định giá bán tối đa hoặc tối thiểu.

- Quyền kinh doanh XNK là quyền của thương nhân nước ngoài có thể tham gia vào hoạt động XNK hàng hóa từ nước ngoài vào thị trường trong nước. Các biện pháp hạn chế quyền kinh doanh XNK được thực hiện dưới các hình thức như: dành quyền kinh doanh một số mặt hàng nhất định cho một số doanh nghiệp nhất định, từ đó hạn chế quyền kinh doanh của các doanh nghiệp khác; hạn chế quyền XNK của các doanh nghiệp có vốn đầu tư, thương nhân nước ngoài không có hiện diện trong nước với mục đích tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước.

- Các biện pháp kỹ thuật: là những quy định, yêu cầu về tiêu chuẩn, đặc điểm kỹ thuật, tính chất mà sản phẩm XNK phải đáp ứng trước khi đưa vào tiêu thụ tại thị trường xuất khẩu/nội địa.

- Các biện pháp liên quan đến đầu tư nước ngoài, gồm: yêu cầu về nội địa hóa, hạn chế về giao dịch ngoại hối.

- Các biện pháp quản lý hành chính, gồm: thủ tục hải quan, mua sắm chính phủ, quy tắc xuất xứ.

- Các biện pháp bảo vệ thương mại bao gồm: chống bán phá giá, chống trợ cấp, biện pháp tự vệ.

4. Ý kiến của doanh nghiệp về các công cụ Việt Nam nên sử dụng để thực hiện chính sách thương mại quốc tế trong điều kiện hiện nay

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV/2022 của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2022 ước tính tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn tốc độ tăng 5,17% của năm 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng của quý IV các năm 2011-2019; tình hình xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 6,14%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 4,83%.

Ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế

được khôi phục trở lại và đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.

Để tìm hiểu ý kiến của các doanh nghiệp XNK về các công cụ Chính phủ nên sử dụng nhằm quản lý có hiệu quả hoạt động nhập khẩu và khuyến khích xuất khẩu, tác giả đã tổ chức khảo sát 137 doanh nghiệp XNK có trụ sở trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương bằng phiếu khảo sát, doanh nghiệp trả lời bằng cách đánh giá cho điểm theo thang đo Likert với điểm đánh giá tối thiểu là 1 và tối đa là 5. Mẫu thực hiện là mẫu thuận tiện với số lượng doanh nghiệp trả lời phân chia theo địa phương như sau: TP. Hồ Chí Minh: 91, Bình Dương: 18 và Đồng Nai: 28. Cụ thể:

** Về sự cần thiết áp dụng các chính sách đối với hoạt động quản lý nhập khẩu, doanh nghiệp có ý kiến như sau:*

- Biện pháp 1: “Xây dựng, thực thi các biện pháp kỹ thuật nghiêm ngặt hơn nữa nhằm hạn chế nhập khẩu sản phẩm không đạt tiêu chuẩn quy định” được 4,73 điểm.

- Biện pháp 2: “Thực hiện tốt hơn nữa công tác quản lý thị trường, xử lý sản phẩm kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái” được 4,58 điểm.

- Biện pháp 3: “Công bố danh mục sản phẩm quan trọng trong nước đã sản xuất hiệu quả và hạn chế nhập khẩu” được 4,25 điểm.

- Biện pháp 4: “Không ưu tiên bố trí ngoại tệ cho việc nhập khẩu hàng tiêu dùng trong nước đã sản xuất tốt” được 4,14 điểm.

- Biện pháp 5: “Ưu tiên bố trí ngoại tệ cho việc nhập khẩu máy móc, nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu” được 3,87 điểm.

** Về sự cần thiết áp dụng các chính sách khuyến khích xuất khẩu, doanh nghiệp có ý kiến như sau:*

- Biện pháp 1: “Tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu tiếp cận nguồn tín dụng có lãi suất hợp lý và ngoại tệ để nhập khẩu nguyên liệu, máy móc” được 4,86 điểm.

- Biện pháp 2: “Xây dựng các chương trình đẩy mạnh xuất khẩu trọng điểm với sự hỗ trợ của Nhà nước” được 4,45 điểm.

- Biện pháp 3: “Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) đề xuất và triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại chuyên ngành” được 4,45 điểm.

- Biện pháp 4: “Triển khai rộng rãi chương trình tín dụng xuất khẩu và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu” được 4,29 điểm.

- Biện pháp 5: “Quan tâm xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng theo hướng kết nối, liên thông, thuận lợi cho hoạt động logistics xuất khẩu” được 3,76 điểm.

5. Một số giải pháp quản lý hoạt động nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu trong điều kiện suy giảm kinh tế

Trên cơ sở tình hình XNK, thực trạng nguồn lực doanh nghiệp, kết quả khảo sát, tác giả đề xuất xem xét áp dụng các công cụ như sau:

5.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện môi trường kinh doanh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế thế giới và phát triển xuất nhập khẩu bền vững

Một là, các nhà quản lý thay đổi tư duy và nhận thức, trên cơ sở đó hoạch định chính sách phát triển XNK, nhìn nhận được tính cấp thiết và tầm quan trọng của XNK bền vững.

Hai là, đối với vấn đề thể chế, Nhà nước cần tiếp tục cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế trong nước cùng phát triển.

Ba là, đối với vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại với các quốc gia trên thế giới, thông qua thực thi hiệu quả cam kết trong các hiệp định FTA song phương, đa phương và các FTA thế hệ mới.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động XNK; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên và hệ sinh thái tự nhiên; có giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, hạn hán và xâm nhập mặn; thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển XNK bền vững.

5.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu

5.2.1. Đối với Nhà nước

Một là, nâng cao hiệu quả thực thi các chiến lược, quy hoạch, đề án, kế hoạch nhằm đầu tư phát triển sản xuất, tạo nguồn cung bền vững cho xuất khẩu, đặc biệt đối với công tác phát triển công

nh nghiệp. Trong đó, lấy trọng tâm là tổ chức triển khai khẩn trương và thực chất Nghị quyết số 23-104 NQ/TW của Bộ Chính trị về “Định hướng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, tạo sự chuyển biến về chất trong quá trình tái cơ cấu và phát triển công nghiệp trong thời gian tới.

Ngoài ra, xây dựng và giám sát tuân thủ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp tại mỗi địa phương, có chính sách tích tụ ruộng đất nhằm xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh lớn. Doanh nghiệp ở các tỉnh, địa phương cần tổ chức triển khai thực hiện tốt các quyết định phê duyệt quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng trồng rau an toàn và cây ăn quả chủ lực, cũng như hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh

Hai là, chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao hàm lượng sáng tạo trong sản phẩm xuất khẩu, xây dựng và phát triển thương hiệu

Ba là, phát triển thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng cường xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống chính sách thương mại, các quy định, tiêu chuẩn đối với hàng hóa XNK. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện các chính sách đầu tư, tài chính, tín dụng nhằm khuyến khích xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu.

Năm là, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông, kho bãi, cảng biển, phát triển các loại hình dịch vụ logistics.

5.2.2. Đối với doanh nghiệp

Một là, đầu tư cho công tác thu thập thông tin về quy định của các thị trường, hệ thống luật pháp, các rào cản thương mại liên quan cũng như thông tin thị trường và môi trường kinh doanh, từ nhiều nguồn khác nhau như: thông tin chính thức của Nhà nước hoặc các tổ chức phi chính phủ của nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam như JETRO, KOTRA... Trong những trường hợp cần thiết, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ tư vấn từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm hoặc mua thông tin từ các công ty nghiên cứu thị trường. Để nâng cao

năng lực pháp lý cho đội ngũ chuyên môn của doanh nghiệp, việc cử nhân viên tham gia các khóa đào tạo hệ thống có ý nghĩa rất quan trọng trong điều kiện hệ thống quy định của các nước rất phức tạp và trong thời gian gần đây thường đưa ra nhiều quy định mới, cản trở khả năng thâm nhập thị trường của doanh nghiệp.

Hai là, xây dựng các liên kết với các đầu mối phân phối chủ yếu tại các thị trường để từng bước thâm nhập vào kênh phân phối tại thị trường nước ngoài và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu đối với sản phẩm, dịch vụ doanh nghiệp đang kinh doanh.

Ba là, xây dựng hệ thống cung ứng đáng tin cậy để chủ động về nguồn hàng, đảm bảo chất lượng nguồn hàng cũng như nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm của nhiều nước đối với các sản phẩm như thủy sản, gỗ...

Bốn là, sử dụng các công cụ phòng ngừa biến động tỷ giá hối đoái như nghiệp vụ mua bán ngoại tệ kỳ hạn (forward), tương lai (futures) hay hoán đổi ngoại tệ (swap).

Năm là, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư khác biệt hóa sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm và tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan của các nước nhập khẩu hàng hóa.

5.3. Kiến nghị về những hỗ trợ của Chính phủ

Một là, kịp thời phối hợp các chính sách tài chính, tiền tệ, tín dụng để đảm bảo điều hành tỷ giá hối đoái linh hoạt nhưng đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định. Đồng thời, Nhà nước cần có định hướng điều hành tỷ giá nhất quán theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu để doanh nghiệp chủ động trong hoạch định kế hoạch kinh doanh. Công tác điều hành tỷ giá và đảm bảo ngoại tệ cần được điều hành linh hoạt để phù hợp với thực tế của thị trường ngoại hối và tình hình xuất nhập khẩu chung của cả nước.

Hai là, thông qua các kênh thông tin của Chính phủ, cung cấp cho doanh nghiệp các thông tin thiết yếu về thị trường nước ngoài, các quy định pháp lý để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong quá trình đưa ra các quyết định mở rộng hoạt động kinh doanh tại thị trường nước ngoài. Các thông tin cụ thể về từng

thị trường mà doanh nghiệp xuất khẩu rất cần đó là: dung lượng thị trường, khuynh hướng tiêu dùng, quy định pháp lý có liên quan đến sản phẩm, tình hình cạnh tranh, công nghệ, kênh phân phối... Do vậy, các cơ quan thương vụ Việt Nam tại nước ngoài có thể thu thập thông tin theo đề nghị, đơn đặt hàng của các hiệp hội ngành nghề và cung cấp cho doanh nghiệp trong nước, giúp doanh nghiệp có đầy đủ thông tin trong việc hoạch định chiến lược marketing.

Ba là, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ logistics giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bốn là, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ: để tổ chức hoạt động sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp cần nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm từ nhiều doanh nghiệp phụ trợ liên quan.

Năm là, tạo môi trường hình thành các liên kết tạo dựng chuỗi cung ứng trong các ngành hàng và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị của sản phẩm xuất khẩu. Các hiệp hội ngành nghề cần phát huy vai trò trong việc tạo ra các mối quan hệ hợp tác chiến lược trên cơ sở hướng đến một chuỗi cung ứng khép kín nhằm nâng cao vị trí của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Nhà nước cần tạo cơ chế, điều kiện để các liên kết thiết lập chuỗi cung ứng khép kín có thể triển khai. Doanh nghiệp xuất khẩu nhỏ và vừa cần ý thức được sự cần thiết trong liên kết phát triển thay vì cạnh tranh bằng những công cụ không bền vững như giảm giá bán, giảm chi phí bằng cách hy sinh chất lượng hay an toàn của sản phẩm.

Sáu là, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Bảy là, đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.

Tám là, quản lý hoạt động nhập khẩu một cách hiệu quả, tránh nhập khẩu những mặt hàng trong nước đã sản xuất được một cách hiệu quả thông qua chính sách tín dụng và chính sách sử dụng ngoại tệ. Nhà nước cần phát huy vai trò của người điều tiết thị trường, tạo ra khuôn khổ pháp lý và chính sách hiệu quả để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại của nước ta trong thời gian tới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2010). Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/05/2010 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Bộ Chính trị (2018). Nghị quyết số 23 NQ/TW của Bộ Chính trị về “Định hướng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
3. Chính phủ (2020). Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính phủ về việc chuyển biến về chất trong quá trình tái cơ cấu và phát triển công nghiệp.
4. Tổng cục Thống kê (2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-licu-va-so-licu-thong-ke/2022/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>
5. Hoàng Công Tuấn - Nguyễn Đức Anh (2021). Triển vọng kinh tế thế giới tháng 4, 2021. Truy cập tại <https://mbs.com.vn/media/0hrmwlj/b%C3%A1o-c%C3%A1o-tri%E1%BB%83n-v%E1%BB%8Dng-kinh-t%E1%BA%BF-th%E1%BA%BF-gi%E1%BB%9Bi-15-04-2021.pdf>

Ngày nhận bài: 4/6/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/6/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/7/2023

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN XUÂN VIÊN

Trường Đại học Phan Thiết

IMPLEMENTING INTERNATIONAL TRADE POLICIES WHEN THE GLOBAL ECONOMY IS SLOWING DOWN DUE TO THE COVID-19 PANDEMIC

● Master. **NGUYEN XUAN VIEN**

Phan Thiet University

ABSTRACT:

This paper provides an overview of current international trade policy, an overview of tools for implementing international trade policy, and a survey of business opinions on the tools that Vietnam should use to implement its international trade policy in current conditions. The paper also proposes some solutions to manage Vietnam's import activities and encourage the country's exports when the global economy is slowing down.

Keywords: policy tools, international trade, global economic decline, COVID-19 pandemic.